

NGHỊ QUYẾT

**Về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
đến 2025, định hướng đến năm 2030**

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THỜI GIAN QUA

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP; Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 03/02/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện cải cách hành chính; cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng: Từng bước khắc phục sự chùng chေo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính nhà nước; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản được đào tạo, đảm bảo trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân; bộ thủ tục hành chính của tỉnh thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa theo hướng gọn nhẹ, đơn giản thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực, cắt giảm 20% thời gian giải quyết; bước đầu chuyển giao việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện cho Bru điện tỉnh; triển khai thanh toán trực tuyến; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, rút ngắn thời gian giải quyết công việc cho cán bộ, công chức, viên chức; tạo thuận lợi và nhiều kênh để người dân, doanh nghiệp giao tiếp với chính quyền; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tăng dần qua các năm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực hiện công tác cải cách hành chính vẫn còn có những tồn tại, hạn chế: Việc dự báo, đánh giá tác động chính sách trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) chưa thật sự chính xác. Một số thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thật sự đơn giản về trình tự, thành phần hồ sơ, giảm chi phí. Phối hợp các cơ quan chuyên môn trong giải quyết thủ tục hành chính chưa nhịp nhàng, đồng bộ. Việc rà soát, đề xuất bổ sung, mở rộng danh mục, áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế. Việc đồng bộ hóa bộ thủ tục hành chính từ cấp tỉnh, huyện, xã chưa kịp thời. Còn tình trạng những nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Những hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về cải cách hành chính tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa chú trọng học tập, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ, dẫn đến tâm lý không muốn

thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cập nhật kết quả giải quyết không kịp thời. Một số thể chế và quy định pháp luật còn chông chéo, chưa đồng bộ, chưa thực sự phù hợp với thực tế, thiếu tính khả thi nên quá trình áp dụng và theo dõi, thi hành còn nhiều khó khăn nhưng chưa sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế kịp thời làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính; việc đẩy mạnh tuyên truyền để người dân sử dụng rộng rãi dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bám sát Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 82-KL/TW, ngày 16/8/2010 của Bộ Chính trị về cải cách thủ tục hành chính trong Đảng; Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030,... để vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp vào công tác cải cách hành chính tại địa phương, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính.

- Đổi mới đồng bộ trong hệ thống chính trị, thống nhất liên thông giữa cải cách hành chính của cơ quan nhà nước với cải cách hành chính trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng là nội dung quan trọng, là quá trình liên tục đặt trong tổng thể cải cách hành chính của hệ thống chính trị nhằm góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội cũng như công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới.

- Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, yêu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Thực hiện công tác cải cách hành chính trên cơ sở kế thừa, phát huy những thành tựu đạt được và tiếp thu những kinh nghiệm, bài học thành công của địa phương, các tỉnh, thành phố khác trong cả nước để tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn tại địa phương.

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thực hiện công tác cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung: Phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác cải cách hành chính, quyết tâm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại,

chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, uy tín, năng lực, đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Từng bước hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng, Nhà nước. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Cải cách hành chính trong Đảng: Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Kịp thời sửa đổi các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp theo hướng đơn giản thủ tục, thuận tiện, thống nhất trong thực hiện; nâng cao hiệu quả hoạt động cơ quan đảng các cấp nhằm đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở. Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức (*trừ tài liệu có độ mật theo quy định*) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng và giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức (*trừ tài liệu có độ mật theo quy định*) trao đổi giữa các cơ quan đảng tỉnh với các cơ quan đảng ở Trung ương được gửi, nhận dưới dạng điện tử, có tệp điện tử kèm theo và được xác thực chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức (*theo quy định*) của các đối tượng khác (*tổ chức, cá nhân...*) gửi đến các cơ quan đảng được số hóa, cập nhật hoặc tích hợp vào Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

- 100% các cơ quan đảng cấp tỉnh và cấp huyện kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng với băng thông rộng, kết nối Internet có quản lý và kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- 100% các cơ quan đảng các cấp của tỉnh sử dụng công nghệ thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web.

- Đến hết năm 2022, Ngành Tổ chức xây dựng Đảng triển khai thực hiện phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (OMS) trong phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo tính liên thông từ khối Đảng - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với khối Chính quyền, liên thông từ tỉnh đến huyện và đảm bảo quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ cán bộ được số hóa chuyên từ hồ sơ trên giấy sang hồ sơ điện tử (*trừ các văn bản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước*). Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ; thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với các phần mềm theo quy định.

2.2.2. Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par - index): Phần đầu chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm đạt trên 85%; đến năm 2025, chỉ số CCHC đạt 86% và phần đầu đến năm 2030, chỉ số CCHC đạt 88%; phần đầu đến năm 2025 tỉnh Lâm Đồng được xếp hạng trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính cao trong cả nước và đến năm 2030 xếp hạng vào nhóm 20 tỉnh, thành phố có điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính cao trong cả nước.

2.2.3. Chỉ số hài lòng (Sipas): Mức độ hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập; lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 85%.

2.2.4. Chỉ tiêu của từng lĩnh vực cải cách hành chính

2.2.4.1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Cơ bản hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của tỉnh, cụ thể: Bổ sung văn bản QPPL trên những lĩnh vực còn thiếu; sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản QPPL không còn phù hợp. Phần đầu 100% văn bản QPPL được ban hành đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo việc tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội; các quy định pháp luật được triển khai đồng bộ, nghiêm túc kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật nhằm kiến nghị, đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật để công tác quản lý nhà nước ngày càng nâng cao góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục quán triệt, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh cải cách thể chế nhằm giúp công chức, viên chức nhận thức sâu sắc và thực hiện có hiệu quả công tác này nhất là công chức, viên chức trực tiếp làm công tác pháp chế của các sở, ban, ngành, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân các cấp theo quy trình luật định, 100% văn bản QPPL được ban hành đúng quy định của pháp luật.

2.2.4.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, huyện, xã đạt 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tối thiểu 80% và phân đầu 100% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Tối thiểu 80% và phân đầu 90% thủ tục hành chính của địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

b) Định hướng đến năm 2030

Tối thiểu 90% và phân đầu 100% thủ tục hành chính của địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

2.2.4.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu đến năm 2025

Phân đầu giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

b) Định hướng đến năm 2030

Tiếp tục giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

2.2.4.4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu đến năm 2025

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

b) Định hướng đến năm 2030

- Từ 25 - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương; trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

2.2.3.5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu đến năm 2025

Phân đầu tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; phân đầu 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

b) Định hướng đến năm 2030

Phần đầu giảm 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

2.2.4.6. Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số

a) Mục tiêu đến năm 2025:

- Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Tối thiểu 90% và phần đầu 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Mục tiêu đến năm 2030:

- 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ có nội dung mật*).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền trong thực hiện công tác cải cách hành chính; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tập trung quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về công tác cải cách hành chính; chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương, đơn vị mình theo từng giai đoạn và định kỳ hàng năm; công khai, minh bạch về giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện để đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả ban hành các văn bản lãnh đạo; đổi mới tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; nâng cao chất lượng chuẩn bị, tổ chức các cuộc họp, hội nghị; đổi mới phương thức lãnh đạo; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động, công tác của các cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, ... Tạo sự đổi mới đồng bộ trong hệ thống chính trị, thống nhất liên thông giữa cải cách hành chính của cơ quan Nhà nước với cải cách hành chính của các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh, đảm bảo 100% văn bản QPPL được ban hành đúng quy định, được tổ chức thi hành nghiêm minh, hiệu quả; bảo đảm và phát huy

quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức lấy ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng của địa phương và phát huy quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, đặc biệt là những cơ chế, chính sách mang tính chất đặc thù của địa phương để hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tiềm năng; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

3. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực hiện các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, quản lý, bảo vệ rừng, thuế. Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm, ý thức, thái độ, tuân thủ luật pháp, hình thành cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với đội ngũ trực tiếp giải quyết hồ sơ của người dân và doanh nghiệp, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng thuộc sở, các phòng, ban thuộc cấp huyện và ở cấp xã.

Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đối với toàn bộ các dịch vụ hành chính công của tỉnh. Nghiên cứu, triển khai các dịch vụ hành chính ngoài công lập để hỗ trợ các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Thực hiện tốt việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ. Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

5. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế theo chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường phân công, phân cấp trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan thuộc ngành dọc và cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, đơn giản hóa quy trình liên thông giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo hướng minh bạch, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ. Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

6. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức

và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển chung trong giai đoạn mới. Cụ thể:

- Đổi mới công tác quy hoạch, luân chuyển, tuyển dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng chương trình đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm gắn với vị trí việc làm. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện cải cách hành chính.

- Triển khai thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành các quy chế nội bộ của từng cơ quan, đơn vị để quản lý tốt cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhất là việc kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân gây phiền hà, khó khăn, sách nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp.

7. Tích cực tham gia nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; từng bước đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước trên địa bàn; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý về nợ công, về sử dụng vốn vay, cho vay lại tại địa phương và sử dụng ngân sách tỉnh. Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật. Nghiên cứu triển khai cơ chế phí sang cơ chế giá ở các đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Tiếp tục triển khai hiệu quả nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương và tỉnh về phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; hoàn thiện nền tảng cơ bản xây dựng chính quyền điện tử theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng phiên bản 2.0; hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ công dân, doanh nghiệp, nâng cao tương tác giữa chính quyền, người dân, doanh nghiệp; bảo đảm an toàn thông tin mạng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước;

Chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực. Xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu và mô phỏng về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các hoạt động của đô thị phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; xây dựng, phát triển, hoàn thiện hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin theo nguyên tắc đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin, tránh đầu tư trùng lặp. Duy trì, vận hành, hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, phát triển nền tảng số. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu nền, chuyên ngành và quản lý nhà nước. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu dân cư, doanh nghiệp, cơ sở

dữ liệu đất đai. Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Thường xuyên rà soát hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, kịp thời nâng cấp, trang bị mới các thiết bị cần thiết để duy trì việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với các đơn vị cấp xã.

Đổi mới phương thức làm việc, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức; hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đến người dân, doanh nghiệp (*đặc biệt đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số*); cung cấp đa dạng các kênh giao tiếp, giúp người dân, doanh nghiệp lựa chọn hình thức xử lý dịch vụ công phù hợp nhất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, lấy kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến làm tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị liên quan.

Hoàn thiện công dịch vụ công của tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia, cổng thanh toán trực tuyến quốc gia. Cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trên nhiều kênh truy cập, nhất là trên thiết bị di động để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất. Triển khai cung cấp và dùng lại kết quả hồ sơ, thủ tục hành chính điện tử, sử dụng dữ liệu số để thay thế một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính. Rà soát, đề xuất bổ sung, mở rộng danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đảm bảo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 08/4/2020 của Chính phủ; xây dựng kho lưu trữ dữ liệu điện tử của công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với cơ quan nhà nước trên cổng dịch vụ công.

9. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, thường xuyên đánh giá đúng kết quả tổ chức thực hiện và kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Cấp ủy các cấp, đồng chí bí thư cấp ủy tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Định kỳ xem xét, cho ý kiến đối với việc thực hiện cải cách hành chính của địa phương, cơ quan, đơn vị, bảo đảm công tác cải cách hành chính đúng hướng, trọng tâm, hiệu quả.

Chủ tịch UBND các cấp và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện cải cách hành chính của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Hàng năm, phân tích, đánh giá đầy đủ các nội dung chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, chỉ số sẵn sàng và ứng dụng công nghệ thông tin, đề ra giải pháp phù hợp để duy trì, cải thiện các chỉ số.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường vai trò quyết định, giám sát về thu, chi ngân sách nhà nước; các quy định về đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách; đổi

mới cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; công tác xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, môi trường, khoa học và công nghệ,...; cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội; đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động; huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp vào công tác cải cách hành chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện Nghị quyết.

3. Các ban của Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng các quy định, hướng dẫn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời gian và các nội dung khác có liên quan cải cách hành chính trong Đảng đề cụ thể hóa, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết. Đồng thời, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

4. Các Đảng đoàn, Ban cán sự đảng; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp tỉnh; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo),
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD4.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Trần Đức Quận